

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2019/DS-ST**
Ngày 25-12-2019
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hoàng Huy.

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1958 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 1, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Lâm Thu Đ, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc A trình bày: Ngày 10-12-2015 dương lịch, bà A mở dây hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, tổng 30 phần, chị Đ tham gia 02 phần. Quá trình tham gia hụi chị Đ đã hốt cả 02 phần hụi nhưng không nhớ thời điểm chị Đ bỏ trúng hụi của 02 phần hụi là kỳ thứ mấy. Chị Đ đóng lại một thời gian (bà không nhớ đóng lại mấy kỳ) thì ngưng không đóng, đến nay còn nợ lại 17 kỳ với số tiền 17.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 02-7-2019, bà A xác định: Khi lập danh sách hụi thì bà Lê Thị T là người trực tiếp gặp bà A ghi tên chị Đ tham gia trong danh

sách hui. Quá trình giao dịch hui đến khi hót và đóng hui chết cả 02 phần hui nêu trên thì chị Lâm Phượng K (em ruột chị Đ) đều trực tiếp đóng cho bà, chị Đ không có đóng bất cứ lần nào. Khi đi bỏ hui chị Đ đi cùng với bà Lê Thị T, cả 02 lần bà A giao tiền hui trực tiếp cho chị Đ và bà T nhưng không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến, khi chị K đóng hui cũng không có làm biên nhận.

Tại phiên tòa, bà A giữ nguyên nội dung yêu cầu chị Đ thanh toán số tiền hui còn nợ lại 17.000.000 đồng.

Bị đơn là chị Lâm Thu Đ trình bày: Chị Đ xác định không có tham gia giao dịch hui như bà A trình bày và chị cũng không có đi cùng với mẹ chị là bà T tham gia bỏ hui; chị không có nhận tiền hui do bà A giao. Chị Đ không biết tại thời điểm giao dịch hui bà T có lấy danh nghĩa của chị để tham gia giao dịch hui với bà A hay không. Nay chị Đ không đồng ý theo yêu cầu của bà A.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 144 ngày 27/11/2006 bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch dân sự giữa bà Nguyễn Ngọc A với chị Lâm Thu Đ được xác định tại thời điểm thực hiện là hợp đồng hui theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà A, thấy rằng: Bà A cung cấp danh sách hui do bà A tự lập không có chữ ký của chị Đ và hui viên. Việc giao nhận tiền hui khi hui viên được hót (nhận) tiền hui, việc đóng tiền hui hàng tháng đều không lập văn bản có chữ ký của người được nhận hoặc giao hui, việc hui viên còn thiếu tiền hui cũng không làm văn bản đối chiếu mà tự theo dõi. Sau khi hui mãn cũng không có xác nhận của người thiếu tiền hui và bà A không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh chị Đ hiện còn thiếu số tiền 17.000.000 đồng. Việc thực hiện giao dịch hui như trên là không phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ về hui, họ, biên, phường, bà A là chủ hui đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hui là “Lập và giữ sổ họ và các giấy tờ liên quan đến họ”.

[3] Bà A xác định chị Đ có tham gia hui, chị Đ không thừa nhận mà cho rằng hui này là mẹ của chị là bà T (đã chết) tham gia. Tại biên bản ghi lời khai các hui viên tham gia trong dây hui cùng ngày 30-10-2019: Ông Trần Minh P, bà Nguyễn Thị D, bà Phan Hồng T, bà Lê Duy T: Đều xác định chị Đ có tham gia hui của bà A, có nghe nói thiếu tiền hui nhưng không biết rõ số tiền thiếu là bao nhiêu (từ bút lục 52 - 55); đối với bà Tạ Thị L, anh Phạm Văn Đ1, bà Phạm

Thị T1 xác định: "...không rõ chị Đ có tham gia hội của bà A hay không, hiện nay có thiếu tiền bà A hay không thì không biết" (bút lục 50, 51, 56). Sau khi mãn hội, các bên không thực hiện đối chiếu số tiền hội còn thiếu nên không có căn cứ xác định chị Đ có nợ tiền hội như bà A trình bày nên yêu cầu của bà A không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc A không được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà A là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên bà A được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc A đối với chị Lâm Thu Đ về việc trả tiền hội 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).
- Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc A được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc A và chị Lâm Thu Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út